| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 1084/2025/DS-ST
Ngày: 23 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Công Chiếm

Ông Đỗ Ngọc Tân

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 689/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1320/2025/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 2480/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T; địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số 96 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Các ông (bà) Hoàng Từ Trung Đ, Trần Thị Ái H, Tô Thị Thu T và Võ Thị T; địa chỉ liên hệ: Lầu 01, số 96 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 1232/2025/UQ-VPB ngày 07/8/2025). (có đơn đề nghị vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lương Lê Huyền T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 37 đường số 12, City land Park Hills, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP Việt Nam T (sau đây gọi tắt là VPBank) và bị đơn bà Lương Lê Huyền T có ký các văn bản tín dụng vay vốn như sau:

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 31/5/2022 với nội dung: Số tiền vay 200.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn 23%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần với biên độ (+)15%, thời hạn vay 60 tháng, mục đích mua đồ gia dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký, chỉ thanh toán được tổng số tiền 69.495.164 đồng, gồm nợ gốc 25.258.937 đồng và nợ lãi 44.236.227 đồng, khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 05/6/2023, dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 23/9/2025 là 322.185.722 đồng, bao gồm nợ gốc 174.741.063 đồng và nợ lãi 147.444.659 đồng.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30/6/2022 với nội dung: Số tiền vay 315.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn 30%/năm, cố định trong suốt thời gian cho vay, thời hạn vay 48 tháng, mục đích mua đồ gia dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký, chỉ thanh toán được tổng số tiền 114.514.537 đồng, gồm nợ gốc 38.915.872 và nợ lãi 75.598.665 đồng, khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 05/6/2023, dư nợ tạm tính đến hết ngày 23/9/2025 là 569.201.818 đồng, bao gồm nợ gốc 276.084.128 đồng và nợ lãi 293.117.690 đồng.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số mở ngày 21/02/2022: Hạn mức 108.000.000 đồng, lãi suất 47.88%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký, chỉ thanh toán được tổng số tiền 70.177.170 đồng, gồm nợ gốc 30.486.913 đồng và nợ lãi 39.690.257 đồng, khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 12/10/2024, dư nợ tạm tính đến hết ngày 23/9/2025 là 210.528.306 đồng, bao gồm nợ gốc 107.631.838 đồng và nợ lãi 102.896.468 đồng.

Nay VPBank yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn phải thanh toán một lần tổng số tiền nợ là 1.101.915.846 đồng cho VPBank ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó bao gồm nợ gốc là 558.457.029 đồng và nợ lãi 543.458.817 đồng; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 24/9/2025 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

*Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án*:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú phường G, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh.

*Về người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 31/5/2022 và ngày 30/6/2022; giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số mở ngày 21/02/2022; căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định giữa các bên có giao kết hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm. Về phía bị đơn mặc dù đã được Tòa tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án.

Xét, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, chỉ thanh toán được nợ gốc 94.661.722 đồng và nợ lãi 159.525.149 đồng thì ngưng không thanh toán. Tính đến ngày 23/9/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 1.101.915.846 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 558.457.029 đồng và nợ lãi 543.458.817 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ số tiền còn nợ nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 24/9/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được các bên thoả thuận tại các hợp đồng đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thoả thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 45.057.475 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn bà Lương Lê Huyền T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tổng số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2025 theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 31/5/2022 và ngày 30/6/2022; giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số mở ngày 21/02/2022 là 1.101.915.846 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 558.457.029 đồng và nợ lãi 543.458.817 đồng.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Lê Huyền T phải chịu án phí là 45.057.475 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 17.932.094 đồng cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo biên lai thu số 0056708 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND KVB - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(đã ký)*

**Nguyễn Trần Thúy Duyên**